

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày 02/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xôm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Khoàng Văn Hặc

2. Ông: Sùng Khoa Long

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm Sát Viên.

Ngày 02/8/2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 14/6/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng Giống D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1978, tại huyện M, tỉnh Đ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm ruộng, nương; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 01/12 phổ thông; Con ông: Giàng A D – Sinh năm 1953, con bà: Vàng Thị D - Sinh năm 1954; Vợ : Vừ Thị D – Sinh năm: 1979; Con: Bị cáo có 04 con, con lớn 20 tuổi, con nhỏ 10 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Trước ngày bị khởi tố bị cáo chưa có vi phạm gì. Ngày 12/4/2019 bị cáo bị bắt tạm giam về hành vi hủy hoại rừng, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Đ cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phùng Việt H – Sinh năm: 1954. Luật sư
- Thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đ: Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Thu H – Giám đốc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Văn Hùng – cán bộ kỹ thuật Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đ, có mặt.

2. UBND xã H, huyện M, tỉnh Đ: Đại diện theo pháp luật: Ông Sùng A S – Chủ tịch UBND xã H, huyện M, tỉnh Đ, vắng mặt.

3. Cộng đồng dân cư Bản H, xã H, huyện M: Đại diện là ông Giàng A K – Trưởng Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

4. Bà Vừ Thị D – Sinh năm: 1979 – Địa chỉ: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, đồng thời cũng là người giám hộ cho Giàng Thị D, có mặt.

5. Chị Giàng Thị D - Sinh năm: 2003 – Địa chỉ: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Giàng Chồng X – Sinh năm: 1978 – Nơi cư trú: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, vắng mặt.

2. Ông Giàng A C – Sinh năm: 1977 – Nơi cư trú: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, vắng mặt.

3. Ông Sùng Súa V - Sinh năm: 1960 – Nơi cư trú: Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo: Chị Sùng Thị M – Sinh năm: 1988. Địa chỉ trú tại: Bản Hô Chim 1, xã Ma Thì Hồ, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 1 năm 2019, để có đất làm nương, Giàng Giống D đã nói với vợ là Vừ Thị D và con gái Giàng Thị D đi lên khu B (người dân địa phương thường gọi), rừng thuộc Bản H, xã H, huyện M để chặt phá. Bà D và cháu D dùng dao phát để phát những cây nhỏ và cây dây leo trước, sau đó D dùng dao phát và cưa máy để chặt hạ những cây gỗ. D chặt phá khoảng 10 ngày thì xong, sau đó khoảng một tháng khi cây đã khô thì D đi đốt. Đến ngày 21/2/2019, việc phá rừng của Giàng Giống D bị phát hiện và D đã bị lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi phá rừng trái pháp luật, sau đó tổ chức tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định diện tích rừng mà Giàng Giống D đã phá là 7.013 m², là rừng sản xuất, trạng thái rừng IIa có vị trí tại lô h khoảnh 5 tiểu khu 529 thuộc Bản H, xã H, huyện M, khu rừng trên đã được giao cho cộng đồng dân cư Bản H, xã H quản lý, bảo vệ và được hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng từ năm 2011 đến nay (Theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng xã H theo quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 nay là Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 09/2/2015 của UBND huyện M về việc giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ).

Mức độ thiệt hại do hành vi chặt phá rừng của Giàng Giống D trên diện tích chặt phá là 100% số cây có trên diện tích, cây bị chặt đổ nằm ngổn ngang, tổng số cây gỗ bị chặt phá là 491 cây, cây có đường kính lớn nhất là 30 cm, cây

có đường kính nhỏ nhất là 6cm, chủ yếu là cây vôi thuốc, dẻ, thành ngạnh và một số loại cây gỗ nhỏ khác thuộc nhóm III, V, VI, VII, VIII; Tổng trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 37,014 m³ trong đó sản lượng gỗ là 20,706 m³ gỗ tròn và 16,308 m³ củi tận thu.

BL số 25 biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; BL số 75-76, 79-82, 86-88 Quyết định về việc giao đất, giao rừng và Quyết định về việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; BL số 91- 172 sổ tay chi trả dịch vụ môi trường rừng; BL số 174 – 175 biên bản khám nghiệm hiện trường; BL số 205 biên bản vi phạm hành chính; BL số 208-226 biên bản về việc đo đếm diện tích rừng bị phá, Biểu thống kê sản lượng, trữ lượng rừng bị thiệt hại; BL số 227-229 biên bản giám định; BL số 246-263 biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can; BL số 265 -290 biên bản ghi lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận 20,706 m³ gỗ tròn thuộc nhóm III, V, VI, VII, VIII có giá 24.890.379 đồng và 16,308 m³ củi tận thu thuộc nhóm III, V, VI, VII, VIII có giá 11.415.681 đồng. Tổng giá trị tài sản là 36.306.060 đồng. Đối với giá trị thiệt hại về doanh thu dịch vụ môi trường rừng và giá trị thiệt hại về môi trường rừng không có căn cứ tính giá trị thiệt hại.

Mặc dù biết việc hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật, nhưng để có đất làm nương mà Giàng Giồng D đã dùng dao phát và máy cưa chặt hạ toàn bộ số cây có trên diện tích rừng 7.013 m². Hành vi của bị cáo có tính chất nghiêm trọng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) dao phát không có cán, có một vết nứt ở chuôi dao dài 3cm, chiều dài 35,5 cm, chiều rộng 5cm; 01 máy cưa màu cam trắng, nhãn hiệu STIHL MS 381 không có lưỡi cưa và dây xích; 01 sổ tay chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Tại cáo trạng số 25/CT-VKS-MC ngày 14/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố Giàng Giồng D trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ để xét xử về tội: “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phân xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, theo quy định của pháp luật hiện hành, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Giàng Giồng D phạm tội: “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; khoản 1 Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS; xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát không có cán, 01 máy cưa là

vật chứng của vụ án. Trả lại cho UBND xã H 01 sổ tay chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền là: 36.306.060 đồng, bị cáo đã bồi thường 1.500.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 34.806.060 đồng. Đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Trong hồ sơ còn thể hiện:

Đối với Vừ Thị D và Giàng Thị D là vợ và con của Giàng Giồng D đã dùng dao phát để phát những cây nhỏ và cây dây leo, hành vi của D và D không trực tiếp chặt phá những cây gỗ và làm theo sự chỉ đạo của D nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D và D.

Đối với Sùng Giản T, Giàng Giồng D khai nhận là người đã nói là khu rừng thuộc khu B (Tiểu khu 529, khoảnh 5, lô h) không phải là rừng bảo vệ và mọi người có thể phá rừng để làm nương ở khu vực đó. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra không có căn cứ để xử lý Sùng Giản T.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Tại bản luận cứ: Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, quyết định xét xử của Tòa án đối với bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai. Luật sự hoàn toàn đồng tình với cáo trạng của VKSND huyện M về tội danh, điều luật áp dụng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS, ngoài ra đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, là dân tộc thiểu số; hạn chế về nhận thức pháp luật nhưng các tình tiết này phải ghi trong bản án. Luật sư đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án khởi điểm của VKS đề nghị; Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo, miễn một phần trách nhiệm dân sự đối với 16,308 m³ củi tận thu thuộc nhóm III, V, VI, VII, VIII có giá 11.415.681 đồng cho bị cáo.

Đối đáp của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt; đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị miễn một phần trách nhiệm dân sự đối với 16,308 m³ củi tận thu có giá 11.415.681 đồng cho bị cáo là không phù hợp.

Sau khi nghe lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát và luận cứ của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến bổ sung lời luận cứ của Luật sư và cũng không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Xét về hành vi của bị cáo Giàng Giống D: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản đo đếm diện tích thực địa, tính toán trữ lượng rừng bị thiệt hại; Kết luận định giá, lời khai của người làm chứng, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong thời gian khoảng tháng 01 năm 2019, Giàng Giống D đã dùng cưa máy và dao phát chặt phá 7.013 m² rừng sản xuất, trạng thái IIa, thuộc lô h khoảnh 5 tiểu khu 529 thuộc địa phận Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ do cộng đồng dân cư Bản H, xã H quản lý, bảo vệ. Gây thiệt hại 36.306.060 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức và hiểu rõ hành vi hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật nhưng để có đất làm nương trồng lúa bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vậy, với hành vi và diện tích rừng bị chặt phá như đã nêu ở trên bị cáo Giàng Giống D đã phạm vào tội **"Hủy hoại rừng"** theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243/BLHS.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ trên 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);”

Vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ truy tố bị cáo Giàng Giống D về tội: “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243/BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

Lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Đối với đề nghị HĐXX miễn một phần trách nhiệm dân sự đối với 16,308

m³ củi tận thu thuộc nhóm III, V, VI, VII, VIII có giá 11.415.681 đồng cho bị cáo là không phù hợp nên không chấp nhận.

[2]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo: Rừng là lá phổi của cả đất nước, của cả thế giới; Bảo vệ rừng là trách nhiệm của toàn dân, các cấp, các ngành; Rừng đặc biệt cần được bảo vệ, rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường sinh thái; làm gia tăng các biến đổi khí hậu do tác hại của việc hủy hoại rừng gây ra, nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo từ nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 01/12 thì bỏ học, ở nhà lao động sản xuất. Năm 1998 xây dựng gia đình với chị Vừ Thị D và làm ăn sinh sống tại Bản H, xã H, huyện M, tỉnh Đ. Ngày 12/4/2019, bị bắt tạm giam về hành vi hủy hoại rừng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình đã gây ra, bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần cho Nhà nước, bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn có hạn chế về hiểu biết pháp luật, bị cáo và bố để được tặng nhiều giấy khen. Vậy, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4]. Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có như vậy mới có răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung, tội hủy hoại rừng nói riêng. Với tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, áp dụng mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243/BLHS, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000 đồng. HĐXX xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số và thuộc hộ nghèo nên chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước do hành vi của bị cáo đã gây ra là 36.306.060 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm linh sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng), bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Nhà nước 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Vậy, buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 34.806.060 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm linh sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng).

[7]. Đối với giá trị thiệt hại về doanh thu dịch vụ môi trường rừng và giá trị thiệt hại về môi trường rừng không có căn cứ tính giá trị thiệt hại. Nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

Đối với Vừ Thị D và Giàng Thí D là vợ và con của Giàng Giống D đã dùng dao phát để phát những cây nhỏ và cây dây leo, hành vi của D và D không trực tiếp chặt phá những cây gỗ và làm theo sự chỉ đạo của D nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D và D. Nên HĐXX không xem xét.

Đối với Sùng Giản Thùng, Giàng Giống D khai nhận là người đã nói là khu rừng thuộc khu B (Tiểu khu 529, khoảnh 5, lô h) không phải là rừng bảo vệ và mọi người có thể phá rừng để làm nương ở khu vực đó. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra không có căn cứ để xử lý Sùng Giản Thùng. Nên HĐXX không xem xét.

Đối với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đ: Đại diện theo pháp luật Bà Đặng Thị Thu H – Giám đốc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đ, người đại diện theo ủy quyền Ông Lò Văn H – Cán bộ kỹ thuật Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đ; Đối với UBND xã H, huyện M, đại diện là ông Sùng A S – Chủ tịch xã; Đối với Cộng đồng dân cư Bản H, xã H, huyện M: Đại diện là ông Giàng A K – Trưởng bản, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì nên HĐXX không đề cập xem xét.

[8]. Kiến nghị: Đối với UBND xã H; Hạt kiểm lâm huyện M, nhất là cán bộ kiểm lâm được giao phụ trách xã H đã lơ lửng, thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản cần nghiêm túc rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác bảo vệ rừng trên địa bàn được giao quản lý.

[9]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS: 01 con dao, 01 máy cưa là vật dụng bị cáo dùng để chặt, phá rừng, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho UBND xã H, huyện M, 01 sổ tay chỉ trả dịch vụ môi trường rừng.

[10]. Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch.

[11]. Xét về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều Tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, từ lúc khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, luật sư, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Giàng Giồng D** phạm tội: “Hủy hoại rừng”.

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, 2 điều 51, khoản 1 Điều 38/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Giàng Giồng D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (12/4/2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước do bị cáo đã gây ra là 36.306.060 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm linh sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng), bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Nhà nước 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Vậy, buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 34.806.060 đồng (Ba mươi tư triệu tám trăm linh sáu nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành án khoản tiền trên thì bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy :

01 con dao phát, không có cán, có 01 vết nứt ở chuôi dao dài 3cm, chiều dài 35,5 cm, chiều rộng 5cm, dùng băng Dính dán kín mép, 01 chiếc máy cưa màu cam trắng, nhãn hiệu STIHL MS 381 không có lưỡi cưa, không có dây xích, đã cũ nát, chiều dài 43 cm, chiều rộng 26 cm, chiều cao 25 cm.

Trả lại cho UBND xã H, huyện M 01 sổ tay chi trả dịch vụ môi trường rừng.

(Toàn bộ tang vật chứng và tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng hồi 09 giờ 00 phút, ngày 14/6/2019 giữa Công an huyện M, tỉnh Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đ).

4. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch.

*Áp dụng Điều 331 và 333/BLTTHS, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2019); những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2019). Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Đ;
- Phòng 07 Viện kiểm sát tỉnh Đ;
- Phòng PC10 – CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục Thi hành án DS, huyện M;
- Hồ sơ THA;
- UBND xã H;
- UBND xã M;
- Hạt kiểm Lâm huyện M;
- Bị cáo;
- Luật sư bào chữa;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Quàng Văn Xôm